

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc,  
thiết bị tại các đơn vị NHNN**

**THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/5/2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Quyết định số 2190/QĐ-NHNN ngày 30/10/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế sử dụng internet trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính- Kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trái với quyết định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tài chính- Kế toán, Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ, Thủ trưởng các đơn vị, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh, thành phố thuộc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3 (để thực hiện);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Lưu: VP, Vụ TCKT.

**THỐNG ĐỐC**  
**PHÓ THÔNG ĐỐC**



Đào Minh Tú

## QUY ĐỊNH

### Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các đơn vị Ngân hàng Nhà nước

(Ban hành theo Quyết định số 2645/QĐ-NHNN  
ngày 31/12/2018 của Thống đốc NHNN)

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây viết tắt là NHNN).

2. Đối tượng áp dụng Quy định này, bao gồm: Các Vụ, Cục, Chi cục, Sở, Ban, đơn vị tương đương, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố và các đơn vị sự nghiệp thuộc NHNN chưa tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (sau đây gọi chung là các đơn vị NHNN).

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. *Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến bao gồm:*

a) *Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho các chức danh: Bộ bàn ghế ngồi làm việc; Tủ, giá kệ đựng tài liệu; Máy vi tính để bàn; Máy vi tính xách tay hoặc thiết bị điện tử tương đương; Máy in; Điện thoại cố định.*

b) *Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho phòng làm việc của các chức danh: Bộ bàn ghế họp, bộ bàn ghế tiếp khách; Tủ đựng tài liệu; Giá đựng tài liệu; Máy vi tính để bàn; Máy in; Máy fax; Máy photocopy; Điện thoại cố định.*

2. *Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị bao gồm:*

a) *Máy móc, thiết bị trang bị tại các phòng phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị;*

b) *Máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng và các máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, tổ chức, đơn vị.*

3. *Máy móc, thiết bị chuyên dùng là máy móc, thiết bị có yêu cầu về tính năng, dung lượng, cấu hình cao hơn máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến và máy móc, thiết bị khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị.*

### **Điều 3. Nguyên tắc trang bị máy móc, thiết bị**

1. Đáp ứng nhu cầu làm việc cần thiết theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Có chất lượng tốt, sử dụng lâu, bền, tiết kiệm, có hiệu quả và đảm bảo yêu cầu từng bước hiện đại hóa công sở.

2. Số lượng và đơn giá máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho các cho các chức danh và phòng làm việc của các chức danh quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg là mức tối đa. *Khi người tiền nhiệm nghỉ hưu hoặc chuyển công tác mà máy móc, thiết bị đã trang bị chưa đủ điều kiện thanh lý theo quy định thì người thay thế tiếp tục sử dụng, không trang bị mới.* Thủ trưởng các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng và khả năng nguồn kinh phí được phép sử dụng để quyết định số lượng và giá mua cụ thể cho phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

3. Phòng làm việc của các chức danh quy định tại Quyết định này là phòng làm việc theo thiết kế của trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp (không phải là phòng theo cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức, đơn vị).

4. Đối với máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung được trang bị phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc của từng đơn vị NHNN. Việc trang bị máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung do Thống đốc NHNN quyết định.

5. *Số lượng* máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung, máy móc thiết bị chuyên dùng quy định chi tiết tại các phụ lục kèm theo quyết định này là mức tối đa được trang bị mới lần đầu.

Các đơn vị chỉ thực hiện mua sắm mới những máy móc, thiết bị chuyên dùng trong trường hợp còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức quy định hoặc phải thay thế do hư hỏng, thanh lý.

Số lượng máy móc thiết bị chuyên dùng được trang bị phù hợp với vị trí và tính chất công việc. Trường hợp người tiền nhiệm chuyển công tác khác thì người mới được bổ nhiệm tiếp tục sử dụng máy móc, thiết bị đã được trang bị, không thay thế mới cho đến khi hư hỏng, thanh lý.

### **Điều 4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị tại các đơn vị thuộc hệ thống NHNN**

1. Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến: Tiêu chuẩn và định mức sử dụng máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến trang bị cho các cho các chức danh và phòng làm việc của các chức danh tuân thủ đúng quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg, chi tiết tại phụ lục số 01 đính kèm

2. Máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của tại các đơn vị thuộc hệ thống NHNN được quy định chi tiết tại phụ lục số 02 đính kèm.

Việc trang bị máy móc, thiết bị gắn với nhà, vật kiến trúc, công trình xây dựng và các máy móc, thiết bị khác phục vụ hoạt động chung của cơ quan, đơn vị do Thống đốc quyết định trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu sử dụng, thiết kế xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và nguồn kinh phí được phép sử dụng hàng năm của cơ quan, đơn vị.

3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các đơn vị thuộc hệ thống NHNN được quy định chi tiết tại 10 phụ lục đính kèm, gồm có:

a) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy tính chuyên dùng tại các Vụ, Cục, đơn vị tương đương và chi nhánh NHNN (Phụ lục số 03)

b) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy in, máy photocopy chuyên dùng tại các Vụ, Cục, đơn vị tương đương và chi nhánh NHNN (Phụ lục số 04)

c) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ công tác tiền tệ kho quỹ của NHNN (Phụ lục số 05)

d) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động công nghệ thông tin của NHNN (Phụ lục số 06)

e) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Học viện Ngân hàng (Phụ lục số 07)

g) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Đại học Ngân hàng (Phụ lục số 08)

h) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Trường bồi dưỡng cán bộ Ngân hàng (Phụ lục số 09)

i) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Thời báo Ngân hàng (Phụ lục số 10)

k) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Tạp chí Ngân hàng (Phụ lục số 11)

l) Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của Viện chiến lược (Phụ lục số 12).

4. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các cơ sở đào tạo (Trường Đại học Ngân hàng, Học viện Ngân hàng, Trường bồi dưỡng cán bộ Ngân hàng) là máy móc, thiết bị chuyên dùng sử dụng trong công tác quản lý hành chính.

Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo được thực hiện theo quy định chi tiết của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ hoạt động giáo dục và đào tạo.

### **Điều 5. Quy định chuyển tiếp**

Đối với những máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động chung của cơ quan, đơn vị; Máy móc, thiết bị chuyên dùng hiện đang sử dụng có số lượng, tiêu chuẩn kỹ thuật lớn hơn hoặc thấp hơn tiêu chuẩn, định mức quy định, được xử lý như sau:

1. Những máy móc, thiết bị đã trang bị vượt số lượng so với quy định thì phải được điều chuyển sang cho cán bộ/phòng, ban, đơn vị còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức. Trường hợp không điều chuyển được thì tiếp tục sử dụng và chỉ được thay thế theo đúng quy định về tiêu chuẩn, định mức.

2. Những máy móc, thiết bị đã trang bị cho cán bộ, công chức, viên chức/ trang bị cho các phòng, ban, đơn vị đủ số lượng nhưng vượt về tiêu chuẩn kỹ thuật so với quy định thì được phép tiếp tục sử dụng cho đến khi hư hỏng, thanh lý.

3. Những máy móc, thiết bị còn thiếu so với tiêu chuẩn, định mức quy định thì căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng và khả năng kinh phí hàng năm từng bước trang bị thêm đảm bảo tiêu chuẩn, định mức quy định.

4. Những máy móc, thiết bị đã được trang bị đủ số lượng theo tiêu chuẩn, định mức nhưng có tiêu chuẩn kỹ thuật thấp hơn so với quy định thì tiếp tục sử dụng đến khi thanh lý, sau đó mới mua sắm thay thế theo quy định.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Vụ trưởng Vụ Tài chính - Kế toán chịu trách nhiệm:

a) Hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trong hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

b) Tổng hợp, đề xuất, báo cáo Thống đốc NHNN xem xét, điều chỉnh, bổ sung các quy định về định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của NHNN.

2. Vụ trưởng Vụ Kiểm toán nội bộ có trách nhiệm thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Quy định này tại các đơn vị NHNN.

3. Giám đốc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố và các đơn vị thuộc NHNN có bộ máy kế toán chịu trách nhiệm ban hành Quy chế quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị tại đơn vị làm căn cứ thực hiện trong quá trình mua sắm, trang bị, quản lý, sử dụng và xử lý tài sản.

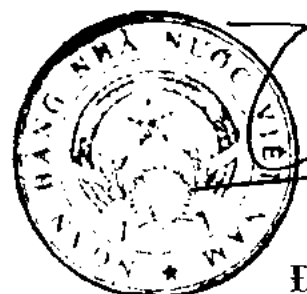
4. Cục Quản trị NHNN chịu trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị tại Trụ sở chính NHNN để áp dụng đối với các Vụ, Cục và đơn vị tương đương (trừ đơn vị có bộ máy kế toán).

5. Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm:

b) Kịp thời đề xuất, báo cáo Thống đốc NHNN (thông qua Vụ Tài chính - Kế toán) xem xét, điều chỉnh, bổ sung các quy định về định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của NHNN.

c) Chịu trách nhiệm trước Thống đốc NHNN trong việc đề xuất trang bị, quản lý, sử dụng, xử lý máy móc, thiết bị chuyên dùng, đảm bảo trang bị đúng tiêu chuẩn, định mức, chất lượng, hiệu quả và tránh lãng phí.

*th* THÔNG ĐỐC  
PHÓ THÔNG ĐỐC



**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ VĂN PHÒNG PHỔ BIẾN**  
(Kèm theo Quyết định số 269/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh văn phòng làm việc của chức danh</b>		
<b>I</b>	<b>Thống đốc NHNN</b>		
<b>1</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 1 người)</b>		
	1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	15
	2. Tủ đựng tài liệu	03 chiếc	7
	3. Máy vi tính để bàn	01 bộ	15
	4. Máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	01 chiếc	15
	5. Máy in	01 chiếc	10
	6. Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	01 chiếc	1,75
<b>2</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 1 phòng làm việc)</b>		
	1. Bộ bàn ghế họp	01 bộ	25
	2. Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	25
<b>II</b>	<b>Phó Thống đốc NHNN; Tổng Cục trưởng và các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên</b>		
<b>1</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 1 người)</b>		
	1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	12
	2. Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	7
	3. Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	01 bộ hoặc 01 chiếc	15
	4. Máy in	01 chiếc	7
	5. Điện thoại cố định (không kể điện thoại công vụ)	01 chiếc	1,75
<b>2</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 1 phòng làm việc)</b>		
	1. Bộ bàn ghế họp	01 bộ	20
	2. Bộ bàn ghế tiếp khách	01 bộ	20
<b>III</b>	<b>Phó Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Vụ trưởng, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,00 đến dưới 1,25</b>		
<b>1</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 1 người)</b>		

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
	1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	10
	2. Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	5
	3. Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	01 bộ hoặc 01 chiếc	15
	4. Điện thoại cố định	01 chiếc	0,75
2	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 1 phòng làm việc)</b>		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
	2. Máy in	01 chiếc	10
VI	<b>Pho Cục trưởng, Pho Vụ trưởng, Giám đốc, Phó Giám đốc NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, các chức danh tương đương và các chức danh có hệ số phụ cấp chức vụ từ 0,7 đến dưới 1</b>		
1	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho chức danh (tính cho 1 người)</b>		
	1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	10
	2. Tủ đựng tài liệu	02 chiếc	5
	3. Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay (hoặc thiết bị điện tử tương đương)	01 bộ hoặc 01 chiếc	15
	4. Điện thoại cố định	01 chiếc	0,75
2	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 1 phòng làm việc)</b>		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
	2. Máy in	01 chiếc	10
VI	<b>Máy móc thiết bị văn phòng phổ biến cho các chức danh còn lại và phòng làm việc</b>		
1	<b>Máy móc thiết bị văn phòng phổ biến cho các chức danh còn lại (tính cho người)</b>		
	1. Bộ bàn ghế ngồi làm việc	01 bộ	5
	2. Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	5
	3. Máy vi tính để bàn hoặc máy vi tính xách tay	01 bộ	15
	4. Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
2	<b>Máy móc thiết bị văn phòng phổ biến cho phòng làm việc của chức danh (tính cho 1 phòng làm việc) trừ phòng văn thư, hành chính</b>		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
	2. Máy in	01 chiếc	10
	3. Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
B	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác hành chính văn thư</b>		

TT	Tiêu chuẩn, định mức	Số lượng tối đa	Đơn giá tối đa (triệu đồng/chiếc hoặc bộ)
<b>I</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác hành chính văn thư của Văn phòng NHNN, Cơ quan Thanh tra Giám sát NHNN, tổng cục và tương đương</b>		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
	2. Tủ đựng tài liệu	05 chiếc	5
	3. Giá đựng công văn đi, đến	02 bộ	2
	4. Máy vi tính để bàn	02 bộ	15
	5. Máy in	02 chiếc	10
	6. Máy photocopy	05 chiếc	90
	7. Máy fax	01 chiếc	7
	8. Máy Scan	0	0
	9. Điện thoại cố định (trong trường hợp không có hệ thống tổng đài điện thoại nội bộ)	01 chiếc	0,3
<b>II</b>	<b>Máy móc, thiết bị văn phòng phổ biến phục vụ công tác hành chính văn thư của vụ, cục, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố và tương đương</b>		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách	01 bộ	10
	2. Tủ đựng tài liệu	05 chiếc	5
	3. Giá đựng công văn đi, đến	01 bộ	1
	4. Máy in	01 chiếc	10
	5. Máy photocopy	02 chiếc	90
	6. Máy fax	01 chiếc	7
	7. Máy Scan	0	0
	8. Điện thoại cố định (trong trường hợp không có hệ thống tổng đài điện thoại nội bộ)	01 chiếc	0,3
<b>III</b>	<b>Phòng tiếp dân; bộ phận một cửa của các đơn vị NHNN (tính cho 1 phòng làm việc)</b>		
	1. Bộ bàn ghế họp, tiếp khách, làm việc	01 bộ	25
	2. Tủ đựng tài liệu	01 chiếc	5
	3. Điện thoại cố định	01 chiếc	0,3
<p><b>Ghi chú:</b> Định mức sử dụng máy in quy định tại phần A Phụ lục này áp dụng cho phòng làm việc dưới 10 người. Trường hợp phòng làm việc có từ 10 người trở lên được bổ sung theo nguyên tắc cứ tăng đến 10 người thì được trang bị bổ sung 01 máy.</p> <p>Ví dụ: Phòng từ 01 người đến 09 người được trang bị 01 máy in; Phòng từ 10 người đến 19 người được trang bị tối đa 02 máy in; Phòng từ 20 đến 29 người được trang bị tối đa 03 máy in...</p>			



**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ  
PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CHUNG CỦA CÁC VỤ, CỤC VÀ CHI NHÁNH NHNN**  
(Kèm theo Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
<b>I MÁY VI TÍNH DÙNG CHUNG</b>					
1.1	Máy vi tính để bàn để khai thác thông tin ngoài mạng nội bộ	Bộ	- Bộ vi xử lý: core i3, - Ổ cứng 500GB, - Bộ nhớ trong: 4GB DDR - Màn hình: LCD 18,5 inch, độ phân giải: Full HD - Hệ điều hành: Chính hãng, bản quyền. - Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.	Khai thác thông tin, đăng tải các thông tin ra ngoài mạng nội bộ của NHNN theo yêu cầu của Thông tư số 31/2015/TT-NHNN ngày 28/12/2015 quy định về đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng	- Phòng có tất cả các cán bộ thực hiện nghiệp vụ, không được trang bị máy PC văn phòng: 01 bộ/01 phòng - Phòng Quản lý Công nghệ thông tin của Cục Công nghệ Thông tin: 03 bộ - Các phòng nghiệp vụ của Sở giao dịch: 03 bộ/phòng;
1.2	Máy vi tính để bàn soạn thảo, lưu trữ văn bản mật	Bộ	- Bộ vi xử lý: core i3, - Ổ cứng 500GB, - Bộ nhớ trong: 4GB DDR - Màn hình: LCD 18,5 inch, độ phân giải: Full HD - Hệ điều hành: Chính hãng, bản quyền. - Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.	Soạn thảo, lưu trữ văn bản mật đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng	- Các phòng theo yêu cầu công việc phải thường xuyên soạn thảo văn bản mật: 01 bộ/phòng - Các phòng nghiệp vụ của Sở giao dịch: 03 bộ/phòng - Các phòng nghiệp vụ của Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Dự báo Thống kê: 02 bộ/phòng
1.3	Máy vi tính xách tay phục vụ hội nghị, hội thảo	Bộ	- Bộ vi xử lý: core i3, - Ổ cứng 500GB, - Bộ nhớ trong: 4GB DDR - Hệ điều hành: Chính hãng, bản quyền. - Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.	- Phục vụ hội thảo, hội nghị, đào tạo, kiểm tra... ngoài trụ sở cơ quan, đơn vị - Quản lý tập trung tại đơn vị và giao cá nhân, tập thể sử dụng khi có nhu cầu phục vụ công tác.	Trang bị 5-7 bộ/đơn vị (tùy theo nhiệm vụ được giao và quy mô hoạt động)
<b>II MÁY IN DÙNG CHUNG</b>					
2.1	Máy in A4	Chiếc	- Tốc độ in 30-40 trang/ 1 phút; - In 2 mặt tự động, - Không kết nối mạng - Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.	In tài liệu, văn bản mật	Trang bị 01 máy in tương ứng kết nối với 01 máy tính soạn thảo văn bản mật

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
<b>III MÁY ẢNH</b>					
3.1	Máy ảnh loại 1	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm biến CMOS; số lượng điểm ảnh 21 triệu;</li> <li>- Ống kính rời, cửa chụp cơ học, tốc độ chụp 1/8000 đến 30 giây;</li> <li>- Tốc độ khuôn hình: 12 khuôn hình/ 1 giây;</li> <li>- Bao gồm thân máy, ống kính đa dụng.</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	Phục vụ công tác truyền thông, báo chí, chụp ảnh tầm xa, trong điều kiện không đủ về ánh sáng	Vụ Truyền thông: 01 chiếc
3.2	Máy ảnh loại 2	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cảm biến CMOS; ống kính rời; số lượng điểm ảnh 21 triệu; tốc độ chụp 1/8000 đến 30 giây; tốc độ khuôn hình: 8 khuôn hình/ 1 giây; bao gồm thân máy, ống kính đa dụng 18x35</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phục vụ công tác truyền thông, báo chí</li> <li>- Chụp các bằng chứng phục vụ công tác thanh kiểm tra;</li> <li>- Chụp ảnh hiện trường các công trình xây dựng cơ bản,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- NHNN Chi nhánh tỉnh, Thành phố: 01 chiếc/đơn vị;</li> <li>- Vụ Tài chính - Kế toán (Phòng xây dựng cơ bản), Cục Quản trị (Phòng Quản trị); Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng: 01 chiếc/ đơn vị,</li> <li>- Vụ Truyền thông: 02 chiếc</li> </ul>
3.3	Máy ảnh	Bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>* Thân máy ảnh:</li> <li>- Canon EOS 5DS (hoặc tương đương);</li> <li>- Cấu hình tối thiểu: Độ phân giải &gt; 50 megapixel, Full frame</li> <li>* Ống kính máy ảnh:</li> <li>- Canon EF 16-35mm f/2,8 III USM (hoặc tương đương)</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	Thiết kế mẫu tiền	Cục Phát hành và Kho quỹ: 01 chiếc
<b>III MÁY SCAN</b>					
3.1	Máy scan A4 loại 1	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ quét 50 trang/ phút;</li> <li>- Tích hợp scan hai mặt,</li> <li>- ADF tối thiểu 80 tờ;</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	Phục vụ công tác văn thư lưu trữ, truyền file dữ liệu trong và ngoài NHNN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn thư của các đơn vị NHNN: 01 chiếc/đơn vị;</li> <li>- Văn phòng Ngân hàng Nhà nước (Phòng Văn thư- Lưu trữ và Phòng Thư ký) 02 chiếc/phòng.</li> <li>- Cục Phát hành và Kho quỹ: 03 chiếc</li> </ul>

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
2.2	Máy scan A4 loại 2	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ quét 40 trang/ phút;</li> <li>- Tích hợp scan hai mặt,</li> <li>- ADF tối thiểu 50 tờ;</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Scan chứng từ kế toán, mẫu dấu, chữ ký trong hoạt động kế toán, thanh toán;</li> <li>- Scan tài liệu liên quan đến công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản,</li> <li>- Scan tài liệu phòng chống tiền giả; Truyền thông báo chí</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Kế toán của các đơn vị: 01 chiếc/phòng</li> <li>- Phòng Quản lý đầu tư xây dựng Vụ Tài chính - Kế toán, Phòng (Tài vụ/ Quản trị) Cục Quản trị: 01 chiếc/phòng.</li> <li>- Cục Phòng chống rửa tiền - Cơ quan Thanhtra Giám sát; Vụ Truyền thông : 01 chiếc/đơn vị</li> </ul>
3.3	Máy scan A3	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khổ giấy A3, A4;</li> <li>- Tự động nạp giấy, quét 2 mặt;</li> <li>- Tốc độ quét 75 trang/ 1 phút; kèm theo phần mềm nhận dạng tiếng việt</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	Scan tài liệu phục vụ công tác lưu trữ	Phòng Văn thư - Lưu trữ Văn phòng Ngân hàng Nhà nước: 01 chiếc
3.4	Máy quét ảnh loại 1	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Epson Perfection V800 Photo (hoặc tương đương).</li> <li>- Cấu hình tối thiểu: A3; Độ phân giải 6400dpi</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất</li> </ul>	Sử dụng để quét ảnh tiền mẫu với chất lượng cao, độ phân giải lớn, màu sắc trung thực.	Cục Phát hành và kho quỹ, Vụ Truyền thông: 01 chiếc/đơn vị
3.5	Máy quét ảnh màu loại 2	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ phân giải : 2400 x 4800 dpi</li> <li>- Phạm vi quét: 310 x 437 mm</li> <li>- Khổ giấy: A3, A4, A5, B4, B5</li> <li>- Số bit màu: Ngõ vào: 16 bit màu; 16 bit trắng/ đen; ngõra: 48 bit màu/ 48 bit trắng/ đen</li> <li>- Tốc độ quét: Trắng/ đen: 7 giây/ trang; màu: 7 giây/ trang với kích thước A4. Độ phân giải: 200 dpi, trắng/ đen: 2.7 ms/row, màu: 8 ms/row</li> <li>- Định dạng ngõ ra: JPEG, TIFF, PDF</li> <li>- Kết nối: USB 2.0 loại B</li> <li>- Tương thích hệ điều hành: Windows 7 trở lên</li> </ul>	Quét ảnh đồng tiền thật/giả ở độ phân giải cao phục vụ công tác phòng, chống tiền giả	Cục Phát hành và kho quỹ : 01 chiếc/đơn vị
IV	<b>MÁY QUAY</b>				

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
4.1	Máy quay phim	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm biến 3CMOS 1/2 inch full HD Exmor™;</li> <li>- Tổng số điểm ảnh: 1920 (H)X1080(V);</li> <li>- Định dạng ghi/phát: HD422/420</li> <li>- Tốc độ bit 35/50 Mbps, MPEG HD 422, MPEG IMX; DCCAM;</li> <li>- Định dạng âm thanh: LPCM 24 bits (HD422), 4 kênh, LPCM 16 bits (SD/HD420), 2 kênh (SD)/4 kênh (HD);</li> <li>- Màn hiển thị LCD/ ống ngắm VF: màu 3.5-inch, 960 (H)X 3(RGB) x 540 (V), 16:9, Tiêu cự 5.8-81.2 MM</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	Phục vụ công tác truyền thông, báo chí	Vụ Truyền thông: 01 chiếc
<b>V MÁY MÓC THIẾT BỊ KHÁC</b>					
5.1	Tủ chống ẩm	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dung tích 1000l;</li> <li>- Độ ẩm 25% - 60 %;</li> <li>- Đồng hồ báo ẩm cơ học.</li> </ul>	Bảo quản các thiết bị điện tử, các loại băng, đĩa.	Vụ Truyền thông: 01 chiếc
5.2	Máy hút ẩm	Chiếc	Công suất hút 45l/ ngày;	Bảo quản tài liệu lưu trữ, thiết bị tin học	Trang bị tại các Kho lưu trữ; Phòng máy chủ; Phòng thiết bị mạng; Các phòng chức năng có yêu cầu về độ ẩm tại các đơn vị NHNN: Diện tích phòng 50m2/01 chiếc
5.3	Máy hủy tài liệu	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>Kiểu hủy: Hủy vụn</li> <li>Công suất hủy: 15 tờ/lần.</li> <li>Chức năng: Hủy giấy, hủy thẻ tín dụng, hủy đĩa CD.</li> </ul>	Hủy tài liệu mật, vật chứa thông tin mật	Các phòng theo yêu cầu công việc phải thường xuyên soạn thảo văn bản mật: 01 chiếc/phòng

## NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY TÍNH CHUYÊN DÙNG  
CỦA CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ TƯƠNG ĐƯƠNG VÀ CHI NHÁNH NHNN**

*(Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)*

**A- Quy định chung**

- Đối với máy vi tính chuyên dùng trang bị cho các cán bộ công chức để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù, chuyên dùng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

+ Được cài hệ điều hành dành cho Doanh nghiệp (từ Windows Professional trở lên);

+ Là các sản phẩm đã được đăng ký thương hiệu;

+ Cài đặt được các phần mềm của NHNN;

+ Được công bố hợp quy theo quy định tại Thông tư số 04/2018/TT-BTTTT ngày 08/5/2018 của Bộ Thông tin và truyền thông ban hành quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cán bộ được trang bị máy vi tính chuyên dùng theo định mức trang bị máy móc thiết bị chuyên dùng, không được trang bị máy vi tính phổ biến theo định mức trang thiết bị máy móc, thiết bị phổ biến.

- Việc trang bị máy tính xách tay chuyên dùng theo nguyên tắc: cán bộ được trang bị máy tính xách tay chuyên dùng thì không trang bị máy vi tính để bàn hoặc cán bộ đã được trang bị máy vi tính để bàn thì chỉ trang bị máy tính xách tay chuyên dùng để dùng chung.

**B- Quy định cụ thể**

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
I	<b>MÁY VI TÍNH ĐỂ BÀN CHUYÊN DÙNG</b>				
1.1	Máy vi tính để bàn chuyên dùng phục vụ biên tập hình ảnh, phim	Bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: 02 chip Intel Xenon, chip 8 nhân</li> <li>- Bộ nhớ đệm: 16 MB;</li> <li>- Ram 32GB,</li> <li>- Card đồ họa chuyên dụng 4GB</li> <li>- Hệ điều hành: Chính hãng, bản quyền.</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	Biên tập hình ảnh, phim của Ngân hàng Nhà nước, phục vụ công tác truyền thông	Vụ Truyền thông: 01 bộ

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
I.2	Máy vi tính để bàn chuyên dùng phục vụ quản lý đầu tư XDCB	Bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: Chip tối thiểu Core I7;</li> <li>- Card màn hình rời 5GB Quadro;</li> <li>- Ổ cứng: 1TB</li> <li>- Ram 16 GB</li> <li>- Màn hình: Độ phân giải 2K, 25 inch;</li> <li>- Cài đặt được phần mềm AUTOCAD, thiết kế đồ họa</li> <li>- Hệ điều hành: Chính hãng, bản quyền.</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	Phục vụ công tác quản lý, triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ bản phải sử dụng các phần mềm Autocad, thiết kế đồ họa	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cán bộ công chức (CBCC) thực hiện công tác Quản lý đầu tư xây dựng Vụ Tài chính -Kế toán: 01 bộ/người</li> <li>- CBCC trực tiếp thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (Phòng Quản trị Cục quản trị): 01 bộ/người (tối đa 02 bộ)"</li> </ul>
I.3	Máy vi tính để bàn chuyên dùng phục vụ hoạt động nghiệp vụ	Bộ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: Intel Core I7, 3.4 Ghz</li> <li>- Bộ nhớ trong: 4GB DDR4</li> <li>- Bộ nhớ đệm: 8MB Cache</li> <li>- Ổ cứng: 500 GB</li> <li>- Màn hình: LCD 18,5 inch, độ phân giải: Full HD</li> <li>- Hệ điều hành: Chính hãng, bản quyền.</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CCBC thực hiện trực tiếp các nghiệp vụ về thanh toán, kế toán, liên ngân hàng, ....</li> <li>- CBCC làm công tác dự báo thống kê của NHNN cần thiết sử dụng các phần mềm của NHNN;</li> <li>- CBCC thực hiện công tác kho quỹ trên phần mềm kho quỹ của NHNN;</li> <li>- CBCC làm công tác quản trị mạng, giám sát an ninh mạng;</li> <li>- CBCC làm công tác phát triển, kiểm thử, triển khai, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ</li> <li>- Phục vụ hoạt động đào tạo, kiểm thử, triển khai, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 01 bộ/người</li> <li>- Cục CNTT 60 bộ; Chi cục CNTT 35 bộ để phục vụ công tác đào tạo phát triển, kiểm thử, triển khai, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ :</li> </ul>

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chiung loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
1.4	Máy trạm chuyên dụng cho thiết kế mẫu tiền (không kết nối mạng internet)	Bộ	Cấu hình cơ bản gồm: - Bộ xử lý (CPU): Intel® Xeon® Processor - Bộ nhớ (RAM) : 16-30 GB - Ổ cứng (HDD) : 1-2 TB - Card đồ họa (Graphic card) : NVIDIA Quadro 4GB - Màn hình (Monitor): 25 inch - Hệ điều hành bản quyền: Windows 10 Pro 64-bit - Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.	Phục vụ thiết kế mẫu tiền (không kết nối mạng internet)	Cục Phát hành và Kho quỹ : Tối đa 5 bộ
<b>II MÁY VI TÍNH XÁCH TAY CHUYÊN DỤNG</b>					
2.1	Máy vi tính xách tay phục vụ hoạt động truyền thông	Bộ	- Bộ vi xử lý: core i7 hoặc tương đương; - Ổ cứng 1 TB; - Card màn hình 4GB - Hệ điều hành: Chính hãng, bản quyền. - Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.	- Phục vụ công tác truyền thông, báo chí, đăng tải tin bài trên web của NHNN; - Phục vụ công tác dựng phim của NHNN khi cán bộ đi tác nghiệp ngoài trụ sở NHNN	Vụ Truyền thông : 01 bộ
2.2	Máy vi tính xách tay phục vụ hoạt động điều hành CSTT và dự trữ ngoại hối nhà nước	Bộ	- Bộ vi xử lý: core i7; - Ổ cứng 512GB hoặc 320 SSD - Hệ điều hành: Chính hãng, bản quyền. - Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.	CBCC trực tiếp chỉ đạo điều hành chính sách tiền tệ và dự trữ ngoại hối khi đi công tác bên ngoài NHNN	- Lãnh đạo NHNN: 01 bộ/người - Phòng tỷ giá, Vụ Chính sách tiền tệ: 01 bộ
2.3	Máy vi tính xách tay phục vụ hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, đào tạo, phát triển, kiểm thử, triển khai, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ	Bộ	- Bộ vi xử lý: core i7; - Ram 8GB; - Ổ cứng 512 GB - Hệ điều hành: Chính hãng, bản quyền. - Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.	- CBCC làm công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, đào tạo (mang tính chất di động) phải cài các phần mềm nghiệp vụ các công việc hoặc khai thác số liệu ngoài trụ sở; - Phục vụ công tác phát triển, kiểm thử, triển khai, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ	- 01 bộ/CBCC (Không trang bị máy tính để bàn cho các đối tượng đã trang bị máy tính xách tay chuyên dùng) - Cục CNTT: 15 bộ để phục vụ công tác phát triển, kiểm thử, triển khai, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ
<b>III MÁY TÍNH BẢNG CHUYÊN DỤNG</b>					

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
3.1	Máy tính bảng	Chiếc	-Màn hình 10 inch; - Ram 3GB; - Bộ nhớ trong 32GB - Hệ điều hành Android Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất	Xử lý văn bản điều hành online	Ban lãnh đạo NHNN, Vụ trưởng, Cục trưởng hoặc tương đương: 01 chiếc/người



**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY IN VÀ MÁY PHOTOCOPY CHUYÊN DỤNG  
CỦA CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ TƯƠNG ĐƯƠNG VÀ CHI NHÁNH NHNN**

(Kèm theo Quyết định số 2695/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
<b>I</b>	<b>MÁY IN</b>				
1.1	Máy in siêu tốc	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ: 120 trang/phút;</li> <li>- Tự động đảo giấy;</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 03 năm</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	In ấn văn bản với số lượng nhiều, thời gian ngắn	Văn phòng Ngân hàng Nhà nước (Phòng Thư ký và phòng Văn thư- Lưu trữ): 02 máy/ phòng
1.2	Máy in A3 chuyên dùng loại I	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ in: 56 trang/phút</li> <li>- Độ phân giải tối đa: 1200x1200 dpi</li> <li>- Tự động đảo giấy: in USB;</li> <li>- Số lượng bản in tối đa: 300.000 trang/1 tháng.</li> <li>- Số lượng bản in trung bình: 10.000 đến 50.000 trang/tháng;</li> <li>- Tương thích với các hệ điều hành thông dụng: MAC OS, WINDOWS.</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- In các chứng từ kế toán (sổ kế toán chi tiết, Bảng kê liên ngân hàng....) t</li> <li>- In cân đối tài khoản, cân đối kế toán ngày, tháng</li> <li>- In các loại báo cáo kế toán, thanh toán</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phòng Kế toán tập trung Vụ Tài chính Kế toán: 02 chiếc</li> <li>- Phòng Kế toán Sở giao dịch: 03 chiếc</li> <li>- Các đơn vị này không được trang bị máy in phổ biến theo định mức trang bị máy móc, thiết bị phổ biến</li> </ul>

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
1.3	Máy in A3 chuyên dùng loại 2	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ in: 40 trang/phút</li> <li>- Độ phân giải tối đa: 1200x1200 dpi</li> <li>- Tự động đảo giấy; in USB;</li> <li>- Số lượng bản in tối đa: 100.000 trang/1 tháng.</li> <li>- Số lượng bản in trung bình: 5.000 đến 20.000 trang/tháng;</li> <li>- Tương thích với các hệ điều hành thông dụng: MAC OS, WINDOWS.</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- In các loại báo cáo nghiệp vụ khổ giấy A3 như: chứng từ kế toán, cân đối kế toán.. tại các đơn vị NHNN;</li> <li>-In tài liệu liên quan đến nghiệp vụ xây dựng cơ bản như: hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công,... của các đơn vị thực hiện công tác quản lý xây dựng cơ bản</li> <li>- In bằng khen đoàn thể, thi đua...</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cán bộ nghiệp vụ từ 9 người trở xuống trang bị 01 chiếc;</li> <li>- Từ 10 đến 19 người trang bị 02 chiếc;</li> <li>- Từ 20 đến 29 người trang bị 03 chiếc...</li> <li>-Các đơn vị đã được trang bị máy in chuyên dùng theo định mức này không được trang bị máy in phổ biến theo định mức trang bị máy móc, thiết bị phổ biến</li> </ul>
1.4	Máy in màu A3 loại 1	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- In laser màu;</li> <li>- Tốc độ in 12 trang màu A3/phút;</li> <li>- In USB;</li> <li>- Độ phân giải 1200x1200 dpi</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- In phối cảnh, bản vẽ mẫu,... phục vụ công tác XD CB</li> </ul>	Vụ Tài chính - Kế toán (Phòng Quản lý đầu tư xây dựng): 01 chiếc
1.5	Máy in màu A3 loại 2	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công nghệ in Laser;</li> <li>- Tốc độ: 20 trang màu A4/phút</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	Phục vụ công tác truyền thông, báo chí, in chức danh phục vụ các cuộc họp	Vụ Truyền thông, Văn phòng Ngân hàng Nhà nước: 01 chiếc/đơn vị

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
1.6	Máy in A4 chuyên dùng	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ in 58 trang/ 1 phút;</li> <li>- In 2 mặt tự động,</li> <li>- Có chức năng in mạng.</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	In báo cáo nghiệp vụ của NHNN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng cán bộ nghiệp vụ từ 9 người trở xuống trang bị 01 chiếc;</li> <li>- Từ 10 đến 19 người trang bị 02 chiếc;</li> <li>- Từ 20 đến 29 người trang bị 03 chiếc...</li> <li>- Các đơn vị đã được trang bị máy in chuyên dùng theo định mức này không được trang bị máy in phổ biến theo định mức trang bị máy móc, thiết bị phổ biến</li> </ul>
1.7	Máy in phun màu khổ A3	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Epson Stylus Photo SP R3000 (hoặc tương đương)</li> <li>- Cấu hình tối thiểu: A3; Độ phân giải 5760 x 1440dpi; 08 hộp mực</li> <li>- Bảo hành: chính hãng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất.</li> </ul>	In thiết kế mẫu tiền	Cục Phát hành và Kho quỹ: 01 chiếc
II	<b>MÁY PHOTOCOPY</b>				
2.1	Máy photocopy siêu tốc	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ chụp: 90 trang/ 1 phút;</li> <li>- Độ phân giải: 1200 dpi;</li> <li>- Có chức năng: Scan;</li> <li>- ADF: 150 tờ;</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 03 năm</li> </ul>	sao chụp các tài liệu, công văn,... số lượng lớn, phục vụ nghiệp vụ văn thư, lưu trữ tại Ngân hàng Trung ương:	Văn phòng NHNN: 02 chiếc

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
2.2	Máy photocopy màu	Chiếc	<p>- Bộ nạp và đảo bản gốc tự động: 110 tờ, bộ đảo mặt bản sao; bộ nhớ hệ thống: 4GB; ổ cứng HDD: 160GB; dung lượng khay: 500x2 khay + khay tay 96 tờ; cụm trống: 01; hộp mực K, C, M, Y: 01; hộp chứa mực thải: 01; dây nguồn</p> <p>+ Chức năng Copy: tốc độ 20 bản/ph (A4 LEF; đen trắng/màu); sao chụp liên tục: 999 tờ; Khổ giấy: A5-A3; thời gian ra bản chụp đầu: 5,9 giây (A4 LEF, đen trắng), 8,1 giây (A4 LEF, màu); độ phân giải: 600x600dpi; phóng to/thu nhỏ: 25%-400%.</p> <p>+ Chức năng In: tốc độ 20 bản/ph (A4 LEF; đen trắng/màu); độ phân giải: 600x600dpi; độ phân giải xử lý dữ liệu: chuẩn: 300x300dpi (chọn thêm: 600dpi); Ngôn ngữ in: PCL6, PCL5 (chọn thêm: Adobe Postscript3); kết nối: Ethernet 1000BASE-T/ 100BASE-TX/10BASE-T</p> <p>- Bảo hành: Tối thiểu 01 năm</p>	In bản ảnh màu phân tích đặc điểm nhận dạng tiền giả, đánh giá khả năng chống giả các mẫu tiền thiết kế	Cục Phát hành và Kho quỹ: 01 chiếc

**BẢNG TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC TRANG BỊ MÁY MÓC, CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHO QUỸ CỦA NHNN**

(Kèm theo Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
<b>I MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ NGHIỆP VỤ VẬN CHUYỂN TIỀN</b>					
1.1	Xe nâng chạy điện	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tải trọng nâng: 900-1.000kg</li> <li>- Tâm nâng 400-500mm</li> <li>- Chiều cao nâng tối đa: 3.000 mm</li> <li>- Loại động cơ: Ác quy</li> </ul>	Sử dụng để nâng và di chuyển được các kiện hàng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục Phát hành và Kho quỹ: 18 chiếc;</li> <li>- Chi Cục Phát hành và Kho quỹ: 6 chiếc;</li> <li>- NHNN Chi nhánh Tỉnh Bình Định: 05 chiếc;</li> <li>- NHNN Chi nhánh TP Hà Nội: 04 chiếc</li> <li>- NHNN Chi nhánh Tỉnh Phú Thọ, Nghệ An, Vĩnh Long, Sở giao dịch: 03 chiếc/ đơn vị</li> <li>- NHNN chi nhánh còn lại: 02 chiếc/ đơn vị</li> </ul>
<b>II MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ NGHIỆP VỤ XỬ LÝ TIỀN</b>					
2.1	Máy kiểm đếm phân loại tiền công suất lớn	Hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất kiểm đếm, phân loại, xử lý tiền: khoảng 2.000 tờ tiền/01 phút – (tương đương 120.000 tờ tiền/01 giờ), có 08 ngăn ra tiêu chuẩn;</li> <li>- Có chức năng kiểm đếm, xử lý tiền, phân loại tiền đủ, không đủ tiêu chuẩn lưu thông, phát hiện tiền thật giả, lẫn loại...</li> <li>- Có thiết kế modul có thể nâng cấp, mở rộng hoặc tương thích với các hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ xử lý tiền khác</li> </ul>	Kiểm đếm, xử lý tiền, phân loại tiền đủ, không đủ tiêu chuẩn lưu thông, phát hiện tiền thật giả, lẫn loại...	Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi Phát hành và Kho quỹ: 02 hệ thống/đơn vị

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
2.2	Máy kiểm đếm phân loại tiền công suất trung bình	Hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công suất khoảng 720 tờ tiền/01 phút (tương đương 40.000 - 42.000 tờ tiền/01 giờ), có 08 ngăn ra tiêu chuẩn. Có chức năng kiểm đếm, phân loại tiền cotton, polymer của Việt Nam (tiền đủ tiêu chuẩn/không đủ tiêu chuẩn lưu thông, tiền tiếp quỹ ATM, tiền nghi giả, tiền giả...).</li> <li>- Có thiết kế modul có thể nâng cấp, mở rộng hoặc tương thích với các hệ thống máy móc, thiết bị phục vụ xử lý tiền khác</li> </ul>	Kiểm đếm tiền, phân loại tiền đủ, không đủ tiêu chuẩn lưu thông, phát hiện tiền thật giả, lẫn loại...	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi Phát hành và Kho quỹ: 02 hệ thống/đơn vị;</li> <li>- NHNN Chi nhánh Tỉnh Bình Định, Phú Thọ, Nghệ An, Vĩnh Long (Kho tiền trung chuyển): 01 hệ thống/ đơn vị</li> </ul>
2.3	Máy bó tiền tự động	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tự động bó chặt 10 thép tiền (loại 100 tờ) thành một bó bằng dây đai nhựa PP với dạng hai chữ thập (++) với 1 dây đai dài, 2 dây đai ngắn trong một lần bó</li> <li>- Tốc độ bó tiền: &lt; 15s</li> <li>- Lực ép: 500 – 1.500Kg</li> <li>- Chiều rộng đai bó tiền: 12mm</li> </ul>	Sử dụng để đóng các thép nhỏ, lẻ thành bó tiền	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi Phát hành và Kho quỹ: 10 chiếc/đơn vị</li> <li>- NHNN Chi nhánh Tỉnh Bình Định, Phú Thọ, Nghệ An, Vĩnh Long: 05 chiếc/ đơn vị</li> <li>- NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố, Sở giao dịch : 01 chiếc/đơn vị</li> </ul>
<b>III MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ NGHIỆP VỤ TIÊU HỦY TIỀN</b>					
3.1	Máy cắt hủy tiền cotton công suất lớn	Hệ thống	Công suất từ 500kg/giờ trở lên;	Cắt hủy tự động, khép kín, đảm bảo an ninh, an toàn, phế liệu ra đóng bánh.	Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi Phát hành và Kho quỹ: 1 hệ thống/đơn vị
3.2	Máy cắt hủy tiền polymer công suất lớn	Hệ thống	Công suất từ 700kg/giờ trở lên	Cắt hủy tự động, khép kín, đảm bảo an ninh, an toàn, phế liệu ra đóng bao.	Cục Phát hành và Kho quỹ, Chi Phát hành và Kho quỹ: 1 hệ thống/đơn vị
<b>IV MÁY MÓC, THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC THIẾT KẾ MẪU TIỀN VÀ PHÒNG CHỐNG TIỀN GIẢ</b>					

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
4.1	Bảng vẽ điện tử chuyên dụng	chiếc	Wacom Cintiq HD	Dùng cho công tác thiết kế mẫu tiền	Cục Phát hành và Kho quỹ: Trang bị theo thực tế nhu cầu sử dụng (Tối đa 5 chiếc)
4.2	Hệ thống giám định tiền/tài liệu	Hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Camera màu hồng ngoại <math>\geq 4</math> Mpixel, quang phổ 350-1100nm</li> <li>- Zoom thấu kính max 22x, độ phóng đại quang học max 175x, min 0.5x, zoom kỹ thuật số min 8x</li> <li>- 17 bộ lọc camera: 15 bộ lọc cho bước sóng dài, 1 bộ lọc cực tím và 1 bộ lọc phân cực cầu</li> <li>- Vùng quan sát: Max 210 x 160mm, có thể mở rộng.</li> <li>- Bàn đặt tài liệu có thể di chuyển bằng phím chức năng hoặc trên màn hình</li> <li>- 16 nguồn sáng: Cực tím (bước sóng dài 365nm-LED, bước sóng trung 312nm, bước sóng ngắn 254nm, truyền qua bước sóng dài 6xLED); Hồng ngoại IR/nhìn thấy: chiếu trên IR/nhìn thấy-LED, truyền qua IR/nhìn thấy-LED, truyền qua IR/nhìn thấy cho đường kính 25mm chiếu điểm cường độ cao, 2 đèn chiếu xiên IR/nhìn thấy-LED với lựa chọn thay đổi góc độ, chiếu trên (nền) IR/nhìn thấy với cường độ điều khiển được, nguồn sáng chiếu điểm (phát quang hồng ngoại); đồng trục-LED; đèn kích thích băng rộng 850-1100nm; chiếu sáng nhìn thấy/hồng ngoại dải hẹp; chiếu sáng đa góc-LED; phân cực cầu-LED; xung cực tím UV 365nm-LED)</li> <li>- Phần mềm đồng bộ, kiểm soát hoàn toàn các chức năng của hệ thống giám định, có thể lưu các thông số cài đặt cùng với ảnh và gọi lại trạng thái của máy với các thông số đã lưu khi cần thiết; Kiểm tra tự động với các điều kiện kiểm tra được thiết lập sẵn bởi người dùng; so sánh ảnh, đo đạc, chỉnh sửa ảnh...</li> <li>- Máy tính cấu hình mạnh đi kèm (tối thiểu Window 7; core i7; ổ cứng 1TB, VGA 1GB RAM; Màn hình LCD 32" độ phân giải 4K UHD)</li> </ul>	Sử dụng để phân tích, giám định tiền thật/tiền giả phục vụ cho công tác phòng chống tiền giả.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang bị tại Cục Phát hành và Kho quỹ: 02 hệ thống;</li> <li>- Chi Cục Phát hành và Kho quỹ: 01 hệ thống.</li> </ul>

ST T	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng trang bị
4.3	Hệ thống kính hiển vi	Hệ thống	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Động cơ quang: độ phóng đại 0.5x đến 5.0x, tích hợp nguồn sáng Led đồng trục, camera CMOS</li> <li>- Vật kính 1.6x/0.1FWD 36mm (G): giao diện bayonet, vòng sáng Led phân đoạn</li> <li>- Bàn mẫu dịch chuyển tự động hoàn toàn theo 3 chiều: phạm vi di chuyển x/y/z là 130x100x60mm; mặt phẳng: 310x223mm; độ lặp lại <math>\pm 1\mu\text{m}</math>; độ chính xác: <math>\pm 5\mu\text{m}</math>; chèn đoạn: 160x116mm</li> <li>- Máy tính điều khiển đồng bộ sử dụng hệ điều hành từ Windows 8 trở lên, cài sẵn phần mềm điều khiển và quản lý.</li> </ul>	Chụp ảnh đặc tả các đặc điểm tiền thật/ tiền giả ở độ phóng đại lớn; Kết hợp đánh giá độ nổi nét in để duyệt mẫu tiền in thử	Cục Phát hành và Kho quỹ; Chi cục Phát hành và Kho quỹ: 01 hệ thống/đơn vị



**BẢNG TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC MÁY MÓC THIẾT BỊ CHUYÊN DÙNG PHỤC VỤ  
HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**  
(Kèm theo Quyết định số 2445/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng
I	Thiết bị chuyên mạch lõi	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ công nghệ software-defined networking (SDN), cho phép triển khai cấu hình và quản trị thông qua phần mềm quản trị tập trung.</li> <li>- Thiết bị hỗ trợ sẵn các tính năng về quản trị: Flexible NetFlow, Media Features (Mediatrace, Metadata, Performance. Monitor), Web Cache Communications Protocol, Wireshark, Embedded Event Manager, Auto Smart Ports, Service Discovery Gateway</li> <li>- Tích hợp công nghệ kết nối Multigigabit Ethernet cho phép kết nối các tốc độ 1 Gbps và tối đa 10 Gbps sử dụng chuẩn cáp Cat5e/Cat 6a RJ45 trở lên;</li> <li>- Tích hợp công nghệ kết nối xếp chồng (stack) nhiều thiết bị với tốc độ kết nối truyền dữ liệu tối thiểu 480 Gbps</li> <li>- Hỗ trợ: IPv4, IPv6 routing, multicast routing, quality of service (QoS), Flexible NetFlow (FNF)</li> <li>- Hỗ trợ các tính năng bảo mật: IEEE 802.1x, port security, Dynamic Host Configuration Protocol (DHCP) Snooping and Guard, Dynamic ARP Inspection, RA Guard, IP Source Guard, control plane protection (CoPP), wireless intrusion prevention systems (WIPSSs), Device Sensor, MACsec, Secure Group Tags</li> <li>- Số cổng kết nối: 24 Ethernet 10/100/1000 RJ45;- Có sẵn khe cắm mở rộng kết nối uplink: Hỗ trợ module kết nối 1Gbps, và 10 Gbps; Bộ nhớ DRAM: Tối thiểu 4 GB, Bộ nhớ Flash: Tối thiểu 2 GB, Số lượng VLAN ID: 4000, Số lượng VLAN: 1000; Số lượng MAC addresses: 32,000; Số lượng IPv4 routes: 24,000</li> <li>- Hệ điều hành hỗ trợ: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ IP unicast routing protocols: static, Routing Information Protocol Version (RIPv1, RIPv2 và RIPv6)</li> <li>+ Advanced IP unicast routing protocols: Open Shortest Path First (OSPF), Open Shortest Path First 3 (OSPFv3), Border Gateway Protocol Version 4 (BGPv4), Border Gateway Protocol Version 6 (BGPv6) và Intermediate System-to-Intermediate System Version 4 (IS-ISv4) các giao thức định tuyến đó đều hỗ trợ load balancing và constructing scalable LANs</li> <li>+ Policy-based routing (PBR)</li> <li>+ IPv6 addressing</li> </ul> </li> <li>- Mỗi thiết bị bao gồm 02 bộ nguồn. Thiết bị tích hợp công nghệ kết nối dự phòng bộ nguồn giữa các thiết bị cùng loại, đảm bảo dự phòng nguồn cho toàn bộ các thiết bị đó.</li> </ul>	Phục vụ kết nối người dùng trong mạng với hệ thống thông tin chung của Ngân hàng Nhà nước	NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố: 02 chiếc/đơn vị

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng
2	Thiết bị chuyển mạch truy cập LAN/WAN	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ công nghệ software-defined networking (SDN), cho phép triển khai cấu hình và quản trị thông qua phần mềm quản trị tập trung;</li> <li>- Tích hợp công nghệ kết nối Multigigabit Ethernet cho phép kết nối các tốc độ 1 Gbps và tối đa 10 Gbps sử dụng chuẩn cáp Cat5e/Cat 6a RJ45 trở lên;</li> <li>- Hỗ trợ: IPv4, IPv6 routing, multicast routing, quality of service (QoS), Flexible NetFlow (FNF);</li> <li>- Hỗ trợ các tính năng bảo mật: IEEE 802.1x, port security, Dynamic Host Configuration Protocol (DHCP) Snooping and Guard, Dynamic ARP Inspection, RA Guard, IP Source Guard, control plane protection (CoPP), wireless intrusion prevention systems (WIPSs), Device Sensor, MACsec, Secure Group Tags;</li> <li>- Tốc độ các cổng kết nối Ethernet 100/1000/10000 RJ45;</li> <li>- Có sẵn khe cắm mở rộng kết nối uplink: Hỗ trợ module kết nối 01/10 Gbps; DRAM: Tối thiểu 512 MB; Bộ nhớ Flash: Tối thiểu 128 MB; Tối thiểu 16.000 MAC addresses; Số lượng địa chỉ bảng ARP: Tối thiểu 8000; Số lượng VLAN ID cho phép: 4096 VLAN; Số lượng VLAN hoạt động đồng thời: Tối thiểu 255;</li> <li>- Hệ điều hành hỗ trợ: Configurable Per VLAN MAC Learning (PVL); Flex Links; Flow-Based Switch Port Analyzer (SPAN); IEEE 802.1x with User Distribution; IP SLAs - DLSW+ Operation; IP SLAs - Distribution of Statistics; IP SLAs - HTTP Operation; IP SLAs - Reaction Threshold; IP SLAs - SNMP Support; IP SLAs - Scheduler; IP SLAs - UDP Echo Operation; IP Source Guard; IPv6 Routing: Unicast Routing; IPv6 Services: Standard Access Control Lists; MVR (Multicast VLAN Registration) - Support for 512 Groups; Multicast Fast Convergence with Flexlink Failover; Multicast VLAN Registration on Trunk Ports; RADIUS Change of Authorization (CoA); Trunk Failover.</li> <li>- Mỗi thiết bị bao gồm tối thiểu 02 bộ nguồn. Thiết bị tích hợp công nghệ kết nối dự phòng bộ nguồn giữa các thiết bị cùng loại, đảm bảo dự phòng nguồn cho toàn bộ các thiết bị đó.</li> </ul>	Phục vụ kết nối người dùng trong mạng với hệ thống thông tin chung của Ngân hàng Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thiết bị chuyển mạch LAN: số lượng thiết bị được xác định dựa trên nhu cầu và người dùng tại NHNN Chi nhánh theo hướng dẫn tại Công văn 351/CNTT4 ngày 15/3/2018.</li> <li>+ Thiết bị chuyển mạch WAN: 02 chiếc/đơn vị.</li> </ul>

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng
3	Thiết bị định tuyến	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ công nghệ software-defined WAN (SD-WAN), cho phép triển khai cấu hình và quản trị thông qua phần mềm quản trị tập trung;</li> <li>- Thiết bị hỗ trợ sẵn các tính năng về quản trị: Application Visibility and Control, Flexible NetFlow (FnF), Deep packet inspection, Per-flow routing, IWAN application, Network analytics (vNAM), Energy Management;</li> <li>- Giao diện kết nối : Cổng LAN/WAN: 3x 10/100/1000 RJ-45; 1 x RJ-45 console port; 1 x USB mini-Type B console; 1 x RJ-45 auxiliary port; Số lượng các khe cắm mở rộng : 03 slots, 02 service module ( cho phép triển khai tính năng WAN optimization và intelligent caching, hoặc blade server); Hỗ trợ Online Insertion and Removal (OIR); Hiệu năng thiết bị: 200 Mbps to 400 Mbps; Bộ xử lý (CPU): 08 Core; Bộ nhớ làm việc (RAM): Tối thiểu 4 GB; Bộ nhớ lưu trữ (Flash): Tối thiểu 4 GB; Hệ điều hành hỗ trợ: Hỗ trợ các giao thức: IPv4, IPv6, static routes, RIP, OSPF, Border Gateway Protocol (BGP), OTV, HSRP, RADIUS, AAA, MPLS, Layer 2 and Layer 3 VPN, IP sec, Layer 2 Tunneling Protocol Version 3 (L2TPv3); Hỗ trợ QoS: Class-Based Weighted Fair Queuing (CBWFQ), Weighted Random Early Detection (WRED), Hierarchical QoS, Policy-Based Routing (PBR), Performance Routing, and NBAR.</li> </ul>	Phục vụ kết nối người dùng trong mạng với hệ thống thông tin chung của Ngân hàng Nhà nước	NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố: 02 chiếc/đơn vị
4	Thiết bị tường lửa (Firewall)	Chiếc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có đầy đủ tính năng bảo mật nâng cao: Phòng chống xâm nhập (IPS); Lọc địa chỉ website (URL Filtering); Phòng chống mã độc hại (Malware Protection for Networks).</li> <li>Thông lượng firewall: 2 Gbps; Số phiên kết nối đồng thời: 1.000.000, Số lượng kết nối mới /giây: 12.000, Thông lượng IPSec VPN: 750 Mbps, Quản trị tập trung: Cấu hình, theo dõi, ghi nhật ký và báo cáo tập trung; Số lượng VLANs hỗ trợ: 1024, Cổng kết nối (I/O): 12 x 10M/100M/1GBASE-T Ethernet interfaces (RJ-45), 4 x 1 Gigabit (SIP); Ethernet interfaces, Cổng quản trị: 1 x 10M/100M/1GBASE-T Ethernet port, (RJ-45), 1 x RJ-45 console, Địa cứng lưu trữ: 100 GB, Nguồn điện: AC Power Supply, Bảo hành: 3 năm tại địa điểm sử dụng</li> </ul>	Thiết bị dùng chung đảm bảo an ninh bảo mật cho nghiệp vụ của NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố	NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố: 02 chiếc/đơn vị

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Mục đích sử dụng	Đối tượng sử dụng
5	Thiết bị lưu điện 10KVA	Bộ	<p>Thiết bị lưu điện - UPS loại 10 KVA</p> <p>Loại UPS UPS Online</p> <p>Công suất nguồn ra tối thiểu 8.0 KWatts/10.0 KVA, Dải điện áp nguồn vào/ Input Voltage range 180 - 270VAC, Điện áp nguồn ra/Output Voltage 220/230/240 VAC, Dải tần số nguồn vào/Input Frequency range 50/60 Hz +/- 5 Hz tự cảm (auto sensing)</p> <p>Bypass Bypass trong (tự động và bằng tay),Loại ắc quy Ắc quy Lead-Acid kín khí không cần bảo dưỡng: chống rò rỉ,Hiệu suất 100% tải 92.50%,Các kết nối nguồn vào / Input Connections Đầu cứng 3 dây (Hard Wire 3 wire) (1PH+N+G);Công giao điện Tích hợp sẵn truyền thông Wed/SNMP, RJ-45,Thời gian lưu điện tối thiểu 14 phút (Backup Time: 15 minutes),Bảo hành 3 năm tại địa điểm sử dụng</p>	Thiết bị lưu điện dùng chung phục vụ hệ thống thông tin tại NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố	NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố: 02 chiếc/đơn vị

**BẢNG XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG CỦA HỌC VIỆN NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**A. Quy định chung**

- Cán bộ được trang bị máy vi tính chuyên dùng theo định mức trang bị máy móc thiết bị chuyên dùng, không được trang bị máy vi tính phổ biến theo định mức máy móc, thiết bị phổ biến.
- Việc trang bị máy tính xách tay chuyên dùng theo nguyên tắc: cán bộ được trang bị máy tính xách tay chuyên dùng thì không trang bị máy vi tính để bàn hoặc cán bộ đã được trang bị máy vi tính để bàn thì chỉ trang bị máy tính xách tay chuyên dùng để dùng chung.
- Máy vi tính, máy in chuyên dùng tại các cơ sở đào tạo (các Trường thuộc NHNN) là máy vi tính, máy in sử dụng cho công tác văn phòng không áp dụng cho máy vi tính, máy in phục vụ cho hoạt động sự nghiệp giáo dục như: Máy vi tính, máy in phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo; phục vụ tại phòng học viên.
- Giám đốc Học viện Ngân hàng chịu trách nhiệm xác định số lượng máy vi tính chuyên dùng tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo nguyên tắc hiệu quả tiết kiệm và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**B. Quy định cụ thể**

STT	Loại tài sản	Đơn vị	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
1	Máy vi tính để bàn chuyên dùng	Bộ	Trang bị theo số lượng thực tế tại các đơn vị theo đối tượng sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: Intel core i7 hoặc tương đương</li> <li>- Bộ nhớ: 4GB</li> <li>- Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256GB SSD</li> <li>- Màn hình: 18,5 inch LCD</li> <li>- Kết nối mạng</li> <li>- Bản quyền hệ điều hành</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 3 năm</li> </ul>	Phục vụ nhiệm vụ: kế toán, tài sản, thư viện, công nghệ thông tin, kiểm định chất lượng
2	Máy vi tính xách tay chuyên dùng	Chiếc	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: Intel core i7 hoặc tương đương</li> <li>- Bộ nhớ: 4GB</li> <li>- Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256GB SSD</li> <li>- Màn hình: 18,5 inch LCD</li> <li>- Kết nối mạng</li> <li>- Bản quyền hệ điều hành</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 3 năm</li> </ul>	Trang bị dùng chung: - 02 chiếc cho Viện NCKH - 02 chiếc cho Viện đào tạo quốc tế - 02 chiếc cho bộ phận công nghệ thông tin - 02 chiếc cho bộ phận tài chính kế toán
				- Khô giấy: A4, A3	Trang bị dùng chung:

**B. Quy định cụ thể**

3	Máy in laser A3	Chiếc	- Bộ nhớ: 256 MB ram	- 01 chiếc cho phòng Tài chính, Quản trị
			- Tốc độ: 17 trang/phút	- 01 chiếc cho Văn thư
			2 - 01 bộ vi xử lý	
			- In mạng LAN	
			- Tự động đảo giấy	
			- Bảo hành tối thiểu 3 năm	
4	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	- Ống kính kèm theo máy	Để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền của HVNH
			- Cảm biến CMOS 20,1 MP	
			2 - Đồ tìm lấy nét tự động, chọn điểm lấy nét với AF bảng cảm ứng	
			- Kết nối Wifi, Bluetooth	
			- Quay phim 4K	
			- Màn hình LCD	

**BẢNG XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG VĂN PHÒNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**A. Quy định chung**

- Cán bộ được trang bị máy vi tính chuyên dùng theo định mức trang bị máy móc thiết bị chuyên dùng, không được trang bị máy vi tính phổ biến theo định mức máy móc, thiết bị phổ biến.

- Việc trang bị máy tính xách tay chuyên dùng theo nguyên tắc: cán bộ được trang bị máy tính xách tay chuyên dùng thì không trang bị máy vi tính để bàn hoặc cán bộ đã được trang bị máy vi tính để bàn thì chỉ trang bị máy tính xách tay chuyên dùng để dùng chung.

- Máy vi tính, máy in chuyên dùng tại các cơ sở đào tạo (các Trường thuộc NHNN) là máy vi tính, máy in sử dụng cho công tác văn phòng không áp dụng cho máy vi tính, máy in phục vụ cho hoạt động sự nghiệp giáo dục như: Máy vi tính, máy in phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo; phục vụ tại phòng học viên.

- Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm xác định số lượng máy vi tính chuyên dùng tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo nguyên tắc hiệu quả tiết kiệm và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**B. Quy định cụ thể**

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
1	Máy tính PC chuyên dùng	Bộ	Theo số lượng thực tế tại các đơn vị có đối tượng sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ vi xử lý Intel Core i7 hoặc tương đương</li> <li>• Bộ nhớ 8GB</li> <li>• Ổ cứng 3.5 inch 1TGB 7200rpm (HDD hoặc SSD)</li> <li>• Màn hình LCD 19"</li> <li>• Bàn phím hệ điều hành</li> <li>• Máy lắp ráp đồng bộ</li> <li>• thời gian bảo hành 36 tháng</li> </ul>	Phục vụ cho công việc Thiết kế phần mềm, đồ họa, quản trị hệ thống

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
2	Máy tính xách tay chuyên dùng	Chiếc	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Bộ vi xử lý: Intel core i7 hoặc tương đương;</li> <li>Bộ nhớ: 8GB; Lưu trữ: 1TB HDD hoặc 1TB SSD; Bản quyền hệ điều hành; Bảo hành 36 tháng</li> </ul>	Trang bị cho Bộ phận công nghệ thông tin dùng chung
3	Máy in màu khổ giấy A3	Chiếc	2	• In màu khổ A3	Tạp chí Công nghệ Ngân hàng 01 chiếc
				• Tốc độ: 20 trang / phút	
				• Bộ nhớ: 32 MB	Bộ phận truyền thông 01 chiếc
				• Bảo hành 36 tháng	



**BẢNG XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA TRƯỜNG BOI DƯỠNG CÁN BỘ NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**A. Quy định chung**

- Cán bộ được trang bị máy vi tính chuyên dùng theo định mức trang bị máy móc thiết bị chuyên B không được trang bị máy vi tính phổ biến theo định mức máy móc, thiết bị phổ biến.
- Việc trang bị máy tính xách tay chuyên dùng theo nguyên tắc: cán bộ được trang bị máy tính xách tay chuyên dùng thì không trang bị máy vi tính để bàn hoặc cán bộ đã được trang bị máy vi tính để bàn thì chỉ trang bị máy tính xách tay chuyên dùng để dùng chung.
- Máy vi tính, máy in chuyên dùng tại các cơ sở đào tạo (các Trường thuộc NHNN) là máy vi tính, máy in sử dụng cho công tác văn phòng không áp dụng cho máy vi tính, máy in phục vụ cho hoạt động sự nghiệp giáo dục như: Máy vi tính, máy in phục vụ công tác giảng dạy, đào tạo; phục vụ tại phòng học viên.
- Hiệu trưởng Trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng chịu trách nhiệm xác định số lượng máy vi tính chuyên dùng tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo nguyên tắc hiệu quả tiết kiệm và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**B. Quy định cụ thể**

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
1	Máy vi tính để bàn chuyên dùng	Bộ	Theo số lượng thực tế tại các đơn vị có đối tượng sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ vi xử lý Intel Core i7 hoặc tương đương</li> <li>• Bộ nhớ 4GB</li> <li>• Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256 GB SSD)</li> <li>• Màn hình 18,5 Inch LCD</li> <li>• Kết nối mạng</li> <li>• Bản quyền hệ điều hành</li> <li>• Thời gian bảo hành tối thiểu 36 tháng</li> </ul>	Trang bị phục vụ công việc cài đặt phần mềm, quản lý khoa học
2	Máy vi tính xách tay chuyên dùng	Chiếc	Theo số lượng thực tế tại các đơn vị có đối tượng sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: Intel Core i7 hoặc tương</li> <li>- Bộ nhớ: 4 GB</li> <li>- Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256GB SSD</li> <li>- Màn hình: LCD</li> <li>- Kết nối mạng</li> <li>- Bản quyền hệ điều hành</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 03 năm</li> </ul>	Trang bị phục vụ công việc cài đặt phần mềm, quản lý khoa học
				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khổ giấy: A4,A3</li> <li>- Bộ nhớ: 256 MB RAM</li> </ul>	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chung loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
3	Máy in Laser A3	Chiếc	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ: 17 trang/phút (A3)</li> <li>- 01 Bộ vi xử lý</li> <li>- In mạng LAN</li> <li>- Tự động đảo giấy</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 03 năm</li> </ul>	Phục vụ công tác hành chính, kế toán
4	Máy in Laser A4	Chiếc	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ nhớ: 256 MB RAM</li> <li>- Tốc độ: 43 trang/phút</li> <li>- 01 Bộ vi xử lý</li> <li>- In mạng LAN</li> <li>- Tự động đảo giấy</li> <li>- Công suất tối đa: 100.000/tháng</li> <li>- Dung lượng hộp mực đi kèm: 9.000 trang</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 03 năm</li> </ul>	Trang bị cho phòng các phòng chuyên môn tại Trụ sở chính, phân viện Nghệ An, Vũng Tàu in với số lượng lớn
5	Máy scan	Chiếc	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Khổ giấy loại A4</li> <li>Khay tự động nuốt giấy</li> <li>Tự động quét 2 mặt</li> <li>Dung lượng khay tự động nuốt giấy <math>\geq 80</math> tờ</li> <li>Tốc độ quét 50 trang/ phút hoặc 100 ảnh/phút</li> <li>Công suất tối đa <math>\geq 3000</math> trang/ ngày</li> <li>Phần mềm nhận dạng tiếng Việt</li> <li>Bảo hành: 3 năm</li> </ul>	Trang bị phục vụ chương trình Edoc, văn thư
6	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống kính kèm theo máy</li> <li>- Cảm biến CMOS 20,1 MP</li> <li>- Dò tìm lấy nét tự động, chọn điểm lấy nét với AF bằng cảm ứng</li> <li>- Kết nối Wifi, Bluetooth</li> <li>- Quay phim 4K</li> <li>- Màn hình LCD</li> </ul>	Để phục vụ công tác thông tin tuyên truyền của Trường tại Trụ sở chính và 02 phân viện

**BẢNG XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA THỜI BÁO NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Quyết định số 2145/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 11 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**A. Quy định chung**

- Cán bộ được trang bị máy vi tính chuyên dùng theo định mức trang bị máy móc thiết bị chuyên dùng, không được trang bị máy vi tính phổ biến theo định mức máy móc, thiết bị phổ biến.
- Việc trang bị máy tính xách tay chuyên dùng theo nguyên tắc: cán bộ được trang bị máy tính xách tay chuyên dùng thì không trang bị máy vi tính để bàn hoặc cán bộ đã được trang bị máy vi tính để bàn thì chỉ trang bị máy tính xách tay chuyên dùng để dùng chung.
- Tổng Biên tập Thời báo Ngân hàng chịu trách nhiệm xác định số lượng máy vi tính chuyên dùng, máy ảnh kỹ thuật số (loại 2) tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo nguyên tắc hiệu quả tiết kiệm và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**B. Quy định cụ thể**

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
1	Máy vi tính để bàn chuyên dùng	Bộ	Theo số lượng thực tế tại các đơn vị có đối tượng sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ vi xử lý Intel Core i7 hoặc tương đương</li> <li>• Bộ nhớ 4GB</li> <li>• Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256 GB SSD)</li> <li>• Màn hình 18,5 Inch LCD</li> <li>• Kết nối mạng</li> <li>• Bản quyền hệ điều hành</li> <li>• thời gian bảo hành tối thiểu 36 tháng</li> </ul>	Phục vụ công tác báo chí, khai thác thông tin, đăng tải tin bài trên báo Điện tử và báo in Thời báo Ngân hàng (Trang bị cho cán bộ khai thác thông tin mạng, đăng tải tin bài trên báo Điện tử và báo in Thời báo Ngân hàng, máy sử dụng phần mềm kế toán)

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
2	Máy vi tính xách tay chuyên dùng	Chiếc	Theo số lượng thực tế tại các đơn vị có đối tượng sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: Intel Core I7 hoặc tương đương Bộ nhớ: 4GB; Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256 GB SSD; Bản quyền hệ điều hành; Bảo hành 36 tháng</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Điện tử và báo in Thời báo Ngân hàng khi lãnh đạo đi công tác kết nối từ xa và phóng viên tác nghiệp bên ngoài tòa soạn (Trang bị tại Ban biên tập; cho Lãnh đạo phòng nghiệp vụ báo chí; Phóng viên).</li> <li>- Phóng viên khi trang bị máy tính xách tay chuyên dùng không trang bị máy tính để bàn</li> </ul>
3	Máy in Laser A4	Chiếc	8	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ nhớ: 256 MB RAM</li> <li>• Tốc độ: 43 trang / phút</li> <li>• 1 Bộ vi xử lý</li> <li>• In mạng lan, tự động đảo giấy, công suất tối đa: 100,000 trang/tháng</li> <li>Dung lượng hộp mực đi kèm: 9.000 trang</li> <li>• Bảo hành tối thiểu 36 tháng</li> </ul>	Phục vụ công tác in báo cáo, in biểu mẫu in quảng cáo, in hợp đồng, in chứng từ kế toán, in công văn và hợp đồng quảng cáo, in bản công và bài duyệt đăng báo (Trang bị dùng chung tại Ban Thư ký, Phóng viên, Báo Điện tử, Phát hành và DV BC, VP miền Trung, VP TP. HCM - mỗi phòng 2 máy; Trị sự, Kế toán - mỗi phòng 1 máy)
4	Máy in Laser A3	Chiếc	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khổ giấy: A4, A3</li> <li>- Bộ nhớ: 256 MB RAM</li> <li>- Tốc độ: 17 trang/phút (A3)</li> <li>- 01 Bộ vi xử lý</li> <li>- In mạng LAN</li> <li>- Tự động đảo giấy</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 03 năm</li> <li>- Khổ giấy: hỗ trợ in A3</li> </ul>	Sử dụng in bản công phục vụ công tác tuyên truyền, xuất bản báo, in báo cáo kế toán (Trang bị tại Ban Thư ký, Ban Phóng viên, Phòng Kế toán - mỗi phòng 1 máy)

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
5	Máy in màu A3	Chiếc	2	- Bộ nhớ: 32MB - Tốc độ: 20 trang/phút (A4) - In mạng LAN - Bảo hành: Tối thiểu 03 năm	Sử dụng in bản công phục vụ công tác xuất bản báo, tài liệu báo chí tuyên truyền (Trang bị tại Ban Thư ký, Ban phóng viên)
6	Máy Scan loại 1	Chiếc	1	- Khổ giấy: A3/A4 - Khay tự động nuốt giấy - Tự động quét hai mặt - Dung lượng khay tự động nuốt giấy > 100sheets - Tốc độ quét 75 trang/phút hoặc 150 ảnh/phút - Công suất tối đa .30.000 trang/ngày - Phần mềm nhận dạng tiếng Việt - Bảo hành: 03 năm	Sử dụng: Scan ảnh, tài liệu phục vụ công tác tuyên truyền, xuất bản báo, phục vụ công tác thiết kế, chế bản, xuất bản báo (Trang bị tại ban Thư ký)
7	Máy ảnh kỹ thuật số (loại 1)	Chiếc	3	- Ống kính room tiêu chuẩn 24-105mm - Thẻ nhớ CF tốc độ cao dung lượng 8GB - Pin dự phòng + Grip - Đèn Flash chuyên dụng - Bảo hành: Tối thiểu 01 năm	Phục vụ công tác tuyên truyền xuất bản báo, làm video tài liệu, phóng sự xuất bản báo (Trang bị tại Ban Thư ký, Phòng Báo điện tử, Ban phóng viên)
8	Máy ảnh kỹ thuật số (loại 2)	Chiếc	Trang bị theo số lượng thực tế theo đối tượng sử dụng	- Ống kính room tiêu chuẩn 18-55mm - Thẻ nhớ tốc độ cao dung lượng 8GB - Bảo hành: Tối thiểu 01 năm	Phục vụ công tác tuyên truyền xuất bản báo, chụp ảnh, phỏng vấn, khai thác thông tin xuất bản phục vụ xuất bản báo (Trang bị 01 chiếc/01 phóng viên)
				- Bộ vi xử lý: 8 nhân, 16 MB bộ nhớ - Bộ nhớ trong: 32 GB ECC - Dung lượng lưu trữ: 1TB SSD	Phục vụ công tác thiết kế dàn trang, chế bản, vẽ đồ họa chuyên dụng, khai thác thông tin, đăng tải tin, bài trên báo Điện

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
9	Máy vi tính chế bản chuyên dùng (đã bao gồm lưu điện)	Chiếc	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Card đồ họa chuyên dùng có bộ nhớ 8GB, sử dụng GPU AMD Radean Pro hoặc NVIDIA Quadro hặc tương đương</li> <li>- Màn hình: kích thước màn hình 27", độ phân giải 5.120 x 2.880, độ sáng 500 nits, Wide color (P3)</li> <li>- Bản quyền hệ điều hành</li> <li>- Lưu điện: Dung lượng/Công suất 2000VA/1400W</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 03 năm</li> </ul>	từ và báo in Thời báo Ngân hàng (Trang bị tại phòng Thư ký)
10	Máy quay chuyên dùng	Chiếc	3	<p>Máy quay chuyên dùng chuẩn XDCAM EX ½" tupe Shoulder-mount Camcorder với ống kính kèm theo Lens Package</p> <p>Cảm biến 3 sesor, 3x1/2" Exmor COSMOS Sensors</p> <p>Kèm theo ống kính chuyên dùng cho truyền hình, chuẩn ½" HD len</p> <p>Bảo hành: Tối thiểu 01 năm</p>	Sử dụng: thực hiện bản tin Video trên Thời báo Ngân hàng Điện tử. Trang bị tại trụ sở Tòa soạn và 02 Văn phòng tại Miền Nam và Miền trung.

**BẢNG XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA TẠP CHÍ NGÂN HÀNG**

(Kèm theo Quyết định số 2645/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**A. Quy định chung**

- Cán bộ được trang bị máy vi tính chuyên dùng theo định mức trang bị máy móc thiết bị chuyên dùng, không được trang bị máy vi tính phổ biến theo định mức máy móc, thiết bị phổ biến.
- Việc trang bị máy tính xách tay chuyên dùng theo nguyên tắc: cán bộ được trang bị máy tính xách tay chuyên dùng thì không trang bị máy vi tính để bàn hoặc cán bộ đã được trang bị máy vi tính để bàn thì chỉ trang bị máy tính xách tay chuyên dùng để dùng chung.
- Tổng Biên tập Tạp chí Ngân hàng chịu trách nhiệm xác định số lượng máy vi tính chuyên dùng tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo nguyên tắc hiệu quả tiết kiệm và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**B. Quy định cụ thể**

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
1	Máy vi tính để bàn chuyên dùng	Bộ	Theo số lượng thực tế tại các đơn vị có đối tượng sử dụng	• Bộ vi xử lý Intel Core i7 hoặc tương đương	Phục vụ công tác báo chí, khai thác thông tin, đăng tải tin, bài tuyên truyền trên Trang tin điện tử Tạp chí Ngân hàng (trang bị cho cán bộ khai thác thông tin mạng, đăng tin bài trên Tạp chí Ngân hàng và Trang tin điện tử Tạp chí Ngân hàng).
				• Bộ nhớ 4GB	
				• Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256 GB SSD)	
				• Màn hình 18,5 Inch LCD	
				• Kết nối mạng	
				• Bản quyền hệ điều hành	
				• thời gian bảo hành tối thiểu 36 tháng	
2	Máy vi tính xách tay chuyên dùng	Chiếc	Theo số lượng thực tế tại các đơn vị có đối tượng sử dụng	- Bộ vi xử lý: : Intel Core i7 hoặc tương đương	Phục vụ công tác báo chí, khai thác thông tin, đăng tải tin, bài tuyên truyền trên Tạp chí Ngân hàng, Trang tin điện tử Tạp chí Ngân hàng khi cán bộ đi tác nghiệp bên ngoài (trang bị cho lãnh đạo Tạp chí Ngân hàng, Ban Thư ký – Biên tập và Trang tin
				- Bộ nhớ: 4 GB	
				- Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256GB SSD	
				- Màn hình: LCD	
				- Kết nối mạng	

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
				- Bản quyền hệ điều hành - Bảo hành: Tối thiểu 03 năm	điện tử Tạp chí Ngân hàng).
3	Máy in Laser A3 loại 1	Chiếc	3	- Khổ giấy: A4,A3 - Bộ nhớ: 256 MB RAM - Tốc độ: 17 trang/phút (A3) - 01 Bộ vi xử lý - In mạng LAN - Tự động đảo giấy - Bảo hành: Tối thiểu 03 năm	Phục vụ công tác hành chính, kế toán, tổ chức cán bộ (Trang bị tại phòng Tổng hợp, Phòng Phát hành - Quảng cáo, Phòng Tài chính - Kế toán)
4	Máy in laser A3 loại 2	Chiếc	1	- Khổ giấy: A4, A3 - Bộ nhớ: 512 MB RAM - Tốc độ: 40 trang/phút (A4/Letter) - Bộ vi xử lý CPU: 800MHz - In mạng, In hai mặt tự động (Duplex) - Tự động đảo giấy - Bảo hành: Tối thiểu 03 năm	Phục vụ in bản bóng trong công tác xuất bản Tạp chí in (trang bị cho Ban Thư ký - Biên tập)
5	Máy quay phim kỹ thuật số	Chiếc	2	- Cảm biến 1-inch Exmor R CMOS hoặc tương đương - Quay phim 1920x1080 60ps - Ống kính với Zoom quang 12x3 vòng điều khiển Manual Focus, Zoom, Iris. - Ghi hình chất lượng cao XAVC S, AVCHD 2.0, DV 50 Mbps. Quay Slow and Quick Motion. - 2 khe cắm thẻ SD. - Phụ kiện: Túi, thẻ SD 64GB - Bảo hành: tối thiểu 01 năm	Phục vụ công tác phỏng vấn, quay phim tư liệu để viết bài, đưa tin đưng tải video lên Trang tin điện tử Tạp chí Ngân hàng (trang bị cho Ban Thư ký - Biên tập; Ban Biên tập Trang tin điện tử)
				- Cảm biến: 26 MP, full-frame, 6.240x4.160 pixel; - Màn hình: LCD 3 cảm ứng, ISO: 100- - Tốc độ màn trập: 1/4.000 giây; - Chụp liên tiếp: 6.5 fps;	Phục vụ chụp ảnh, tư liệu phục vụ công tác tuyên truyền (trang bị cho Ban Thư ký - Biên tập; Ban Biên tập Trang tin điện tử; Phòng Phát hành - Quảng cáo)



STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
6	Máy ảnh kỹ thuật số	Chiếc	4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quay phim: Full HD 1.920 x 1.080 pixel @ 60fps/ 30fps /24fps;</li> <li>- Kết nối wifi;</li> <li>- Ống tiêu cự 24-70mm, khẩu độ 2.8 đường kính 82mm.</li> <li>Thẻ nhớ SD 64GB, tốc độ 95/MB/s;</li> <li>- Phụ kiện: Túi, chân máy, UV 82mm</li> </ul>	
7	Máy vi tính chế bản chuyên dụng (đã bao gồm lưu điện)	Chiếc	3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: 4 Cores.</li> <li>- Bộ nhớ trong: 16GB</li> <li>- Dung lượng lưu trữ: 2 TB</li> <li>- Màn hình: IPS 27 inch; phân giải 4K</li> <li>- Card đồ họa rời Nvidia 4 GB VRAM</li> <li>- Bản quyền hệ điều hành</li> <li>- Bảo hành 3 năm</li> </ul>	Phục vụ công tác thiết kế, chế bản, in ấn tạp chí; đăng tin, bài trên Trang tin điện tử Tạp chí Ngân hàng (Trang bị cán bộ thực hiện công tác chế bản, thiết kế đồ họa cho Tạp chí Ngân hàng in, cán bộ làm công tác đăng tin, thiết kế đồ họa cho Trang tin điện tử)

**BẢNG XÁC ĐỊNH TIÊU CHUẨN ĐỊNH MỨC MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG CỦA VIỆN CHIẾN LƯỢC**

(Kèm theo Quyết định số 2145/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

**A. Quy định chung**

- Cán bộ được trang bị máy vi tính chuyên dùng theo định mức trang bị máy móc thiết bị chuyên dùng, không được trang bị máy vi tính phổ biến theo định mức máy móc, thiết bị phổ biến.
- Việc trang bị máy tính xách tay chuyên dùng theo nguyên tắc: cán bộ được trang bị máy tính xách tay chuyên dùng thì không trang bị máy vi tính để bàn hoặc cán bộ đã được trang bị máy vi tính để bàn thì chỉ trang bị máy tính xách tay chuyên dùng để dùng chung.
- Viện trưởng Viện Chiến lược ngân hàng chịu trách nhiệm xác định số lượng máy vi tính chuyên dùng tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý đảm bảo nguyên tắc hiệu quả tiết kiệm và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**B. Quy định cụ thể**

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
1	Máy vi tính để bàn chuyên dùng	Bộ	Theo số lượng thực tế tại các đơn vị có đối tượng sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Bộ vi xử lý Intel Core i7 hoặc tương đương</li> <li>• Bộ nhớ 4GB</li> <li>• Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256 GB SSD)</li> <li>• Màn hình 18,5 Inch LCD</li> <li>• Kết nối mạng</li> <li>• Bản quyền hệ điều hành</li> <li>• thời gian bảo hành tối thiểu 36 tháng</li> </ul>	Trang bị cho cán bộ và các phòng chuyên môn phục vụ công tác nghiên cứu, lưu trữ dữ liệu hệ thống ngành và thế giới phục vụ công tác nghiên cứu theo chức năng nhiệm vụ.
2	Máy vi tính xách tay chuyên dùng	Chiếc	Theo số lượng thực tế tại các đơn vị có đối tượng sử dụng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ vi xử lý: Intel Core i7 hoặc tương đương</li> <li>- Bộ nhớ: 4 GB</li> <li>- Lưu trữ: 500GB HDD hoặc 256GB SSD</li> <li>- Màn hình: LCD</li> <li>- Kết nối mạng</li> <li>- Bản quyền hệ điều hành</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 03 năm</li> </ul>	Trang bị cho cán bộ và các phòng chuyên môn phục vụ công tác nghiên cứu, lưu trữ dữ liệu hệ thống ngành và thế giới phục vụ công tác nghiên cứu theo chức năng nhiệm vụ, phục vụ khi đi công tác, khảo sát, tổ chức hội thảo, tọa đàm
3	Máy vi tính chuyên dùng mô hình hóa dữ liệu	Bộ	2	<ul style="list-style-type: none"> <li>-02 bộ vi xử lý 8 nhân, 16MB ROM</li> <li>- 32 MB RAM</li> <li>- 2 ổ cứng x 3Tb</li> <li>- DVD-RW 16x</li> <li>- Card đồ họa 4GB DDR5, sử dụng GPU AMD Ra</li> </ul>	Trang bị cho: Phòng Nghiên cứu phát triển NHTW và các ĐCTC; Phòng Chiến lược ngành Ngân hàng.

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
				- Màn hình 23 inches, 1920x1080 - Bản quyền hệ điều hành - Bảo hành tối thiểu 3 năm	
4	Máy chiếu, màn hình máy chiếu	Bộ	2	Cường độ sáng 5000 Ansi lumen Độ phân giải 1,280 x 800 Pixels, độ tương phản 15000:1 cho hình ảnh sắc nét Kích thước màn chiếu từ 50 đến 300 inches Bóng đèn có tuổi thọ tối đa lên đến 10.000 giờ	Trang bị dùng chung phục vụ tại các phòng họp, hội thảo của Viện
5	Máy in laser A3	Chiếc	2	- Khổ giấy: A4, A3 - Bộ nhớ: 256 MB RAM - Tốc độ: 17 trang/phút (A3) - 01 Bộ vi xử lý - In mạng LAN - Tự động đảo giấy - Bảo hành: Tối thiểu 03 năm	Phục vụ công tác hành chính, kế toán, tổ chức cán bộ, quản lý KH (Trang bị tại Văn phòng, Phòng Quản lý khoa học)
6	Máy in laser A4	Chiếc	5	- Bộ nhớ: 256 MB RAM - Tốc độ: 43 trang/phút - 01 Bộ vi xử lý - In mạng LAN - Tự động đảo giấy - Công suất tối đa: 100.000 trang/tháng - Dung lượng hộp mực đi kèm: 9.000 trang - Bảo hành: Tối thiểu 03 năm	Trang bị các phòng chuyên môn phục vụ in các đề tài, báo cáo nghiên cứu khoa học, in chứng từ kế toán với số lượng lớn
7	Máy scan	Cái	3	Khổ giấy loại A4 Khay tự động nuốt giấy Tự động quét 2 mặt Dung lượng khay tự động nuốt giấy >=80 tờ Tốc độ quét 50 trang/ phút hoặc 100 ảnh/phút Công suất tối đa >=3000 trang/ ngày Phần mềm nhận dạng tiếng Việt	Trang bị phục vụ: - Văn phòng: Chương trình Edoc, văn thư - Phòng QLKH: Phục vụ số hóa tài liệu khoa học để quản lý - Cổng thông tin KHCN ngành NH (Ban Biên tập và Tổ thường trực): Phục vụ hoạt động quản trị nội dung cổng thông tin KHCN ngành ngân hàng

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
				Bảo hành: 3 năm	
8	Máy photocopy	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tốc độ sao chụp 75 bản/phút</li> <li>- Có chức năng đảo mặt bản gốc và đảo mặt bản chụp.</li> <li>- Có chức năng scan, in mạng</li> <li>- Độ phân giải tối thiểu 600x600 dpi</li> <li>- Bảo hành tối thiểu 150 bản hoặc 2 năm</li> </ul>	Trang bị cho Trung tâm tư vấn, đào tạo và chuyển giao KHCN để phục vụ việc sao chụp tài liệu với số lượng lớn
9	Máy ảnh loại 1	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống kính Zoom tiêu chuẩn 18-55mm</li> <li>- Thẻ nhớ tốc độ cao dung lượng 16GB</li> <li>- Bảo hành: Tối thiểu 01 năm</li> </ul>	Trang bị để chụp hình ảnh làm tư liệu các cuộc hội thảo, tọa đàm, khảo sát do Viện thực hiện theo chức năng nhiệm vụ
10	Máy quay phim kỹ thuật số	Cái	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Cảm biến 1-inch Exmor R CMOS hoặc tương đương</li> <li>- Quay phim 1920x1080 60ps</li> <li>- Ống kính với Zoom quang 12x3 vòng điều khiển Manual Focus, Zoom, Iris.</li> <li>- Ghi hình chất lượng cao XAVC S, AV CHD 2.0, DV 50 Mbps. Quay Slow and Quick Motion.</li> <li>- 2 khe cắm thẻ SD.</li> <li>- Phụ kiện: Túi, thẻ SD 64GB</li> <li>- Bảo hành: tối thiểu 01 năm</li> </ul>	Phục vụ công tác khảo sát, quay phim tư liệu để nghiên cứu, đưa tin đăng tải video lên Cổng thông tin điện tử khoa học và công nghệ ngành ngân hàng (trang bị cho Ban Biên tập và Tổ thường trực)
11	Máy ảnh kỹ thuật số loại 2	Chiếc	1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cảm biến: 26 MP, full-frame, 6.240x4.160 pixel</li> <li>- Màn hình: LCD 3 cảm ứng, ISO: 100-40.000;</li> <li>- Tốc độ màn trập: 1/4.000 giây;</li> <li>- Chụp liên tiếp: 6.5 fps;</li> <li>- Quay phim: Full HD 1.920 x 1.080 pixel @ 60fps/ 30fps /24fps;</li> <li>- Kết nối wifi;</li> <li>- Ống tiêu cự 24-70mm, khẩu độ 2.8 đường kính 82mm.</li> <li>Thẻ nhớ SD 64GB, tốc độ 95/MB/s;</li> </ul>	Phục vụ chụp ảnh các hoạt động sinh hoạt khoa học, tư liệu phục vụ công tác nghiên cứu, đưa tin (trang bị dùng chung cho Văn phòng; Tổ thường trực và Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử KHCN; Trung tâm tư vấn, đào tạo, chuyển giao khoa học và công nghệ ngân hàng)

STT	Loại tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Chủng loại (tiêu chuẩn kỹ thuật tối thiểu)	Đối tượng sử dụng
				- Phụ kiện: Túi, chân máy, UV 82mm	
12	Máy in màu khổ A3	cái	1	Khổ giấy: hỗ trợ in A3/A4 Bộ nhớ 32MB Tốc độ lớn hơn 20 trang/phút Độ phân giải: 4800x1200 dpi Chuẩn kết nối: Mạng LAN, USB 2.0, Wifi Bảo hành: tối thiểu 3 năm	Phục vụ in các biểu đồ, số liệu, bia, hình ảnh minh họa của các báo cáo nghiên cứu, các đề tài